KHUNG CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN NGÀNH TIN HỌC CÔNG NGHIỆP

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Khoa, Trung tâm	TN, TH	Ghi chú
I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG						
1. Khối kiến thức bắt buộc						
1	BAS114	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN 1	2	Bộ môn Lý luận chính trị		
2	BAS113	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN 2	3			
3	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
4	BAS101	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3			
5	BAS108	Đại số tuyến tính	3	Khoa Khoa học cơ bản		
6	BAS109	Giải tích 1	4			
7	BAS205	Giải tích 2	4			
8	ENG103	Elementary	3	Khoa Quốc tế		
9	ENG202	Pre-Intermediate 2	3			
10	ENG301	Intermediate 1	3			
11	BAS111	Vật lý 1	3	Khoa Khoa học cơ bản		
12	BAS112	Vật lý 2	3		TN	
13	BAS102	Giáo dục thể chất 1				
14	BAS103	Giáo dục thể chất 2				
15	BAS206	Giáo dục thể chất 3				
16	BAS104	Hóa đại cương	3	Khoa XD&MT	TN	
17		Giáo dục quốc phòng		TTGDQP		5 tuần
18	FIM501	Quản trị doanh nghiệp CN	2	Khoa KTCN		
19	FIM207	Pháp luật đại cương	2			
		Tổng	**43**			
20	**Khối kiến thức tự chọn VH-XH-MT (chọn 1 trong 2 học phần)**		**2**			
20.1	*FIM101*	*Môi trường và Con người*	*(2)*	*Khoa XD&MT*		
20.2	*PED101*	*Logic*	*(2)*	*Khoa SPKT*		
		Tổng	**2**			
		Tổng cộng	**45**			
II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP						
1. Khối kiến thức cơ sở						
21	BAS210	Xác suất và thống kê	3	Khoa Khoa học cơ bản		
22	ELE201	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	3	Khoa Điện	TN	
23	TEE303	Kỹ thuật điện tử tương tự	3	Khoa Điện tử	TN	
24	TEE311	Kỹ thuật điện tử số	3		TN	
25	TEE203	Lập trình trong kỹ thuật	3		TH	
26	TEE408	Vi xử lý-vi điều khiển	3		TH	
27	TEE403	Hệ thống nhúng	3			
28	TEE536	Đồ án Hệ thống nhúng	1			
29	TEE314	Xử lý tín hiệu số	3		TH	
30	TEE307	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3			
31	TEE317	Toán rời rạc	2			

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Khoa, Trung tâm	TN, TH	Ghi chú
32	TEE318	An toàn và bảo mật thông tin	3	Khoa Điện tử		
33	TEE306	Hệ điều hành	3			
34	TEE416	Mạng máy tính	3		TH	
35	TEE413	Cơ sở dữ liệu	3			
36	WSH304	Thực tập công nghệ Điện - Điện tử	2	TT Thực nghiệm		3 tuần
		Tổng cộng	**44**			
2. Khối kiến thức riêng chuyên ngành Tin học công nghiệp						
37	WSH419	Thực tập chuyên ngành Tin học công nghiệp	3	Khoa Điện tử		4,5 tuần
38	TEE433	Quản trị mạng	3		TH	
39	TEE319	Lập trình hướng đối tượng	3		TH	
40	TEE562	Phân tích và thiết kế hệ thống	3			
41	TEE502	Kỹ thuật ghép nối máy tính	2		TH	
42	TEE560	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3		TH	
43	TEE552	Công nghệ phần mềm	3			
44	TEE432	Đồ án Công nghệ phần mềm	1			
45	TEE415	Kiến trúc máy tính	3		TH	
46	TEE434	Lập trình trên thiết bị di động	3			
47	TEE5102	Đồ án mạng máy tính	1			
48		**Tự chọn kỹ thuật 1 (chọn 4 trong 11 học phần)**	**12**			
48.1	*TEE598*	*Thị giác máy*	*(3)*			
48.2	*TEE545*	*Giới thiệu về thiết kế VLSI*	*(3)*		TH	
48.3	*TEE599*	*Xử lý âm thanh/tiếng nói*	*(3)*			
48.4	*TEE5100*	*Quản lý dự án CNTT*	*(3)*			
48.5	*TEE5101*	*Các mô hình máy tính thế hệ mới*	*(3)*			
48.6	*MEC201*	*Đại cương về kỹ thuật (Engineering solutions)*	*(3)*			
48.7	*MEC101*	*Vẽ kỹ thuật*	*(3)*			
48.8	*MEC202*	*Các quá trình gia công (Manufacturing processes)*	*(3)*			
48.9	*ELE305*	*Lý thuyết điều khiển tự động*	*(3)*			
48.1	*TEE321*	*Xử lý ảnh*	*(3)*			
48.11	*TEE597*	*Trí tuệ nhân tạo*	*(3)*			
49		**Tự chọn kỹ thuật 2 (chọn 3 hoặc 4 trong 8 học phần)**	**9**			
49.1	*TEE320*	*Lập trình trong môi trường Windows*	*(3)*		TH	
49.2	*TEE435*	*Thiết bị truyền thông và mạng máy tính*	*(3)*		TH	
49.3	*TEE431*	*Công nghệ .NET*	*(3)*		TH	
49.4	*MEC410*	*An toàn công nghiệp*	*(2)*			
49.5	*TEE301*	*Kỹ thuật đo lường 1*	*(2)*			

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Khoa, Trung tâm	TN, TH	Ghi chú
49.6	*BAS204*	*Kỹ thuật nhiệt*	*(2)*			
49.7	*MEC302*	*Cơ học ứng dụng*	*(2)*			
49.8	*BAS201*	*Cơ lý thuyết 1*	*(2)*			
50	TEE5103	Thực tập tốt nghiệp chuyên ngành Tin học Công nghiệp	5	Cơ sở sản xuất ngoài trường		
51	TEE5104	ĐATN chuyên ngành Tin học Công nghiệp	7	Khoa Điện tử		
		Tổng cộng	**61**			
		Cộng I + II	**150**			